

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20/9/2023

V/v: T/c HN&GD giữa chị Th với
anh Đ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Minh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại; Bà Nguyễn Thị Yên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện YP, Bắc Ninh (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn M, xã L, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 9, phân trại số 4, Trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957.

Trú tại: Thôn M, xã L, huyện YP, Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 25/5/2006, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ hay chơi bời, cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con và trong khoảng thời gian đó anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có 01 người con gái chung. Chị đã khuyên giải anh Đ để vợ chồng chung sống với nhau, để con cái có cả bố và mẹ nhưng anh Đ vẫn bỏ theo người

phụ nữ đó và làm ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và tâm lý của các con. Do vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 âm lịch cho tới nay. Năm 2020, chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó chị đã rút đơn vì các con. Mặc dù rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không còn tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Quang Ng, sinh ngày 19/10/2009. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng bà nội tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03/01/2019, mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2013, vợ chồng chị xây trên thửa đất ngôi nhà 03 tầng để xây phòng trọ; tầng 2, tầng 3 làm phòng trọ; tầng 1 để ở. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án chia khối tài sản chung này và chị đồng ý và đề nghị Tòa án giao thửa đất và ngôi nhà trên đất cho anh Đ; anh Đ phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản bằng tiền cho chị. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Về công nợ: Vợ chồng chị không có công nợ chung.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang để lấy lời khai của anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, anh Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th vào năm 2006. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2011 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Do hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến nên không thể đến Tòa án để làm việc được nên anh cũng đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Quang Ng, sinh năm 2009. Hiện hai cháu đang ở cùng bà nội, khi ly hôn anh nhất trí giao cả hai cháu cho chị Th nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà xây 03 tầng, xây dựng vào năm nào anh không nhớ rõ, xây trên đất của bố mẹ anh cho tặng. Thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m² tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên anh và chị Th. Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản đất đai chung. Nếu chị Th đề nghị Tòa án chia tài sản

về phần đất đai chung thì anh đề nghị được quyền quản lý, sử dụng nhà và đất. Anh nhất trí trả số tiền chênh lệch tài sản cho chị Th theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ đang chấp hành án phạt tù tại đội 9, phân trại số 4, Trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên không có mặt tại Tòa án. Anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Chị Th cũng đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thẩm tra viên là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 33, 38, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Th được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Quang Ng, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Th không yêu cầu nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Xác định thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03/01/2019, mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất là tài sản chung của chị Th và anh Đ.

Giao cho anh Nguyễn Văn Đ quản lý, sử dụng thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m² tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh trên đất có xây dựng ngôi nhà 03 tầng. Tổng giá trị nhà và đất là: 1.213.506.000 đồng.

Anh Đ phải có nghĩa vụ trích trả cho chị Th ½ giá trị khối tài sản chung là 606.753.000 đồng.

Về công nợ: Các đương sự không có nên đề nghị không xem xét.

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Th có đơn xin miễn giảm án phí, được xác nhận của chính quyền địa phương. Còn anh Đ hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến không có tài sản gì khác nên cần giảm ½ tiền án phí chia tài sản cho chị Th và anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong. Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 25/5/2006, đã tuân đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ hay chơi bời, cờ bạc, trai gái, không quan tâm đến vợ con; do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Do vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th xin ly hôn, anh Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Th và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh Đ là đảm bảo cuộc sống riêng cho mỗi bên.

Về con chung: Vợ chồng chị Th, anh Đ có 02 con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Quang Ng, sinh ngày 19/10/2009, các cháu hiện đang ở với bà nội. Ly hôn chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Đ cũng đề nghị giao cả hai con chung cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Đ hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q; cháu H và Ng đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy ở thời điểm hiện tại cần giao cháu H và cháu Ng cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th, anh Đ đều xác định thừa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03/01/2019, mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất là tài sản chung của chị Th và anh Đ, tài sản không có tranh chấp với ai nên yêu cầu chia tài sản chung của chị Th là có căn cứ chấp nhận. Tổng giá trị nhà và đất là: 1.213.506.000 đồng. Ly hôn, chị đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Đ quản lý, sử dụng thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m² tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất. Anh Đ phải có nghĩa vụ trích trả cho chị bằng tiền. Nguyện vọng và đề nghị của chị Th cũng phù hợp với nguyện vọng và đề nghị của anh Đ nên Hội đồng xét xử cần giao cho anh Đ quản lý, sử dụng thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m² tại thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong,

tỉnh Bắc Ninh và ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất trị giá 1.213.506.000 đồng. Anh Đ phải có nghĩa vụ trích trả cho chị Th $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản chung là 606.753.000 đồng là phù hợp.

Về công nợ: Chị Th, anh Đ không có nên không xem xét.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Th và anh Đ phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật: Xét thấy, chị Th có đơn xin miễn giảm án phí, được xác nhận của chính quyền địa phương là bản thân không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không đáng kể hiện vẫn phải gửi tiền ăn, học cho 02 con còn nhỏ; Còn anh Đ đang phải chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến; hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên cần giảm $\frac{1}{2}$ tiền án phí chia tài sản chung cho chị Th và anh Đ là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 143, 146, 147, 195, 235, 264, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 29, 33, 37, 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 29/7/2007 và Nguyễn Quang Ng, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng; Không đặt ra xem xét do chị Th không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ bao gồm: Thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03/01/2019, mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th, tại thôn Mần Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất.

Giao cho anh Nguyễn Văn Đ quản lý, sử dụng thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/01/2019, mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th và được sở hữu ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất số 426, tờ bản đồ số 21, diện tích 94m² tại thôn Mần Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Tổng giá trị nhà và đất là: 1.213.506.000 đồng. Anh Đ phải có nghĩa vụ trích trả bằng tiền cho chị Th $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 606.753.000 đồng.

Thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp với ngõ đi; Phía Tây giáp với nhà chị Khiêm; Phía Nam giáp với ngõ đi; Phía Bắc giáp với nhà ông Nguyễn Văn Toán.

Chị Nguyễn Thị Th được nhận số tiền là 606.753.000 đồng do anh Nguyễn Văn Đ trích trả.

Sau khi anh Nguyễn Văn Đ thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền cho chị Nguyễn Thị Th thì anh Nguyễn Văn Đ có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật.

4. Về công nợ: Các đương sự không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Giảm $\frac{1}{2}$ tiền án phí chia tài sản cho chị Th và anh Đ. Chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn Đ mỗi người còn phải chịu 14.135.000đ án phí chia tài sản chung (đã làm tròn số). Xác nhận chị Th đã nộp 9.050.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2021/0004605, ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong). Chị Th còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 5.085.000đ (Năm triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Xác nhận chị Th đã nộp đủ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- UBND xã Long Châu;
- UBND xã Đông Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Minh Nam

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- UBND xã Long Châu;
- UBND xã Đông Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Chu Minh Nam

